

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26/11/2020
V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG,
TỈNH KHÁNH HÒA**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà **Bùi Thị Bích Liễu**
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
 1. Ông **Nguyễn Đức Đẹp**,
 2. Bà **Võ Thị Bời**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Vân** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **Phan Ngọc Chiêu Quyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1118/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông **Ngô Thị Kim T**, sinh năm 1981
HKTT: 30/49 Đoàn Trần N, phường Vĩnh P, Nha T.
Địa chỉ: 55/25 Nguyễn K, tổ 12, Vĩnh H, Nha T. Vắng mặt.
- **Bị đơn:** Ông **Dương Văn Ngọc M**, sinh năm 1984
HKTT: 172/15/2 Lê Hồng P, phường Phước H, Nha T.
Địa chỉ: 55/25 Nguyễn K, tổ 12, Vĩnh H, Nha T. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ly hôn nộp ngày 22/9/2020, bản tự khai ngày 19/10/2020 và biên bản hòa giải ngày 23/10/2020 nguyên đơn – bà **Ngô Thị Kim T** trình bày: Bà và ông **Dương Văn Ngọc M** tự nguyện kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường Phước H, Nha T vào năm 2011. Quá trình chung sống vợ chồng có những mâu thuẫn không thể giải quyết được, hay xảy ra kinh cãi, chồng nghiện game online, hay nhậu nhẹt, không quan tâm đến vợ con, vợ chồng không hạnh phúc, cuộc sống chung không hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông M.

Về con chung: Bà **Ngô Thị Kim T** và ông **Dương Văn Ngọc M** có 02 con chung là **Dương Ngô Uyên L**, sinh ngày 25/11/2012 và **Dương Ngô Bảo T**, sinh ngày 27/8/2015. Bà **Ngô Thị Kim T** có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, giáo

dục, nuôi dưỡng hai con chung đến tuổi trưởng thành. Bà T không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bản tự khai ngày 19/10/2020, bị đơn ông Dương Văn Ngọc M trình bày:* Ông và bà Ngô Thị Kim T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn như lời trình bày của bà T. Bà T yêu cầu ly hôn ông không đồng ý ly hôn vì ông không muốn ly hôn vì những lý do không đáng mà gia đình tan vỡ, ảnh hưởng đến cuộc sống của các con.

Nếu trường hợp Tòa án cho ly hôn thì ông M có mong muốn hoặc là giao hai con chung cho ông trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hoặc là giao hai con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông không muốn tách hai con ra mỗi người nuôi một đứa thì tội các con. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 23/10/2020, ông M có nguyện vọng **được nuôi bé gái tên** Dương Ngô Uyên L, sinh ngày **25/11/2012** và giao bé trai tên Dương Ngô Bảo T, sinh ngày 27/8/2015 cho bà Thoa nuôi dưỡng. Ông M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Ngô Thị Kim T và ông Dương Văn Ngọc M là vợ chồng, có đăng ký kết hôn và có địa chỉ cư trú tại thành phố Nha T, tỉnh Khánh H. Do trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn nên dẫn đến việc bà T xin ly hôn. Xét việc ly hôn của bà T là đúng pháp luật, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang theo quy định tại Điều **56 Luật** Hôn nhân và gia đình và Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo quy định tại đoạn 2 khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự: “*Đối với vụ án tranh chấp về nuôi con khi ly hôn hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, Thẩm phán phải lấy ý kiến của con chưa thành niên từ đủ bảy tuổi trở lên...*” và khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu Dương Ngô Uyên L, sinh ngày 25/11/2012, nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ sau khi ba mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa, bà Ngô Thị Kim T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Kim T và ông Dương Văn Ngọc M kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phước H, thành phố Nha T (theo giấy chứng nhận kết hôn số 105 cấp ngày 15/8/2011. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của bà T thì vợ chồng bà xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất hòa **làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình, hiện tại vợ chồng đã ly thân hơn hai năm rồi.**

Nay bà T nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết cho bà được ly hôn với ông M. Ông M không đồng ý ly hôn vì cho rằng những nguyên nhân mà bà T đưa ra là không đáng, giữa ông và bà T không có mâu thuẫn gì lớn, ông không muốn ly hôn vì ảnh hưởng đến cuộc sống của các con. Tuy nhiên, ông M không đưa ra được biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T và ông M là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông M không đồng ý ly hôn nhưng nếu cứ tiếp tục duy trì cuộc sống gia đình thì cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên nên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà T là chính đáng, có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung: Bà Ngô Thị Kim T và ông Dương Văn Ngọc M có 02 con chung là Dương Ngô Uyên L, sinh ngày 25/11/2012 và Dương Ngô Bảo T, sinh ngày 27/8/2015. Hiện tại hai con chung đang ở với bà T nên bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng hai con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, ông M có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là cháu gái tên Dương Ngô Uyên L, sinh ngày 25/11/2012 và giao bé trai tên Dương Ngô Bảo T, sinh ngày 27/8/2015 cho bà T nuôi dưỡng. Ông M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án, bà T có giao nộp cho Tòa án hợp đồng lao động và các bảng sao kê tính lương trung bình mỗi tháng của bà T là khoảng 18.700.000 đồng để chứng minh bà T có công việc và mức lương ổn định, có đủ khả năng để nuôi dưỡng hai con chung. Mặt khác, ông M không chứng minh được bản thân mình có công ăn việc làm ổn định nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để giao con chung cho ông M nuôi dưỡng. Hơn nữa, từ trước đến nay các con chung đều được bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ổn định. Do đó, để đảm bảo các điều kiện về vật chất và tinh thần gồm nơi ở, ăn, học và các điều kiện khác cho các con chung nên cần tiếp tục giao hai con chung cho bà T chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Việc giao hai con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Dương Ngô Uyên L, sinh ngày 25/11/2012 và cũng là nguyện vọng của bà T. Về cấp dưỡng nuôi con chung bà Thoa không yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét. Ông M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ngô Thị Kim T và ông Dương Văn Ngọc M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Bà T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên nhận định: Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Về nội dung vụ án, xét mâu thuẫn giữa

nguyên đơn và bị đơn là trăm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về con chung: Giao hai con chung cho nguyên đơn được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Tuyên án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 227, 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Ngô Thị Kim T ly hôn ông Dương Văn Ngọc M.

[2] Về con chung: Giao hai con chung là Dương Ngô Uyên L, sinh ngày 25/11/2012 và Dương Ngô Bảo T, sinh ngày 27/8/2015 cho bà Ngô Thị Kim T được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai con chung đến tuổi trưởng thành.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Dương Văn Ngọc M.

Ông M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình các bên có thể yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng và người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí: Bà Ngô Thị Kim T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0017473 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà T đã nộp đủ án phí.

[5] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

*** Nơi nhận:**

- VKSND TP. Nha Trang;
- Dương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS Nha Trang;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- UBND phường Phước H, Nha T;
- Lưu.

(Đã ký)

Bùi Thị Bích Liễu